

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 316/2022/DS-PT  
Ngày: 14 - 12 - 2022  
V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay  
tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

*Các Thẩm phán:* Ông **Trần Văn Đạt**

Bà **Nguyễn Ái Đoan**

*- Thư ký phiên tòa:* Bà **Lưu Thị Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*  
Bà **Phan Thị Thanh Xuân** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2022/TLPT-DS ngày 9 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 451/2022/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 377/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Dương Hồng L (Beo), sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp MT, xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Phan Văn V, sinh năm 1984 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp MT, xã Mỹ Hội, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 24/6/2022).

*- Bị đơn:* Lê Thị D, sinh năm 1968 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp MT, xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Đinh Thị Diệu Hiền, sinh năm 1990 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp MT, xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

*- Người kháng cáo:* Bị đơn Lê Thị D.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo án sơ thẩm, Người đại diện ủy quyền nguyên đơn bà Dương Hồng L là anh Phan Văn V trình bày:* Bà D là di ruột của bà L, ngày 17/8/2018 bà D có vay của bà L số tiền 130.000.000 đồng, lãi tháng 2.600.000 đồng/tháng, thỏa thuận 10 ngày trả, bà D không làm biên nhận nợ. Sau khi vay đến nay bà D có trả lãi cụ thể: Bà D trực tiếp trả 20.000.000 đồng không nhớ ngày; chị Hiền (dâu bà D) có trả 20.000.000 đồng không nhớ ngày. Cho đến ngày 17/01/2019 bà D ghi tờ giấy “Dì út” nợ beo chị 6 số tiền 130.000.000 đồng ngày 17/01/2019. Sau đó bà D trả 04 tháng lãi số tiền 10.400.000 đồng, tổng cộng bà L đã nhận tiền lãi là 50.400.000 đồng.

Nay bà L yêu cầu bà D trả số tiền vốn 130.000.000 đồng và lãi chậm trả 17/01/2019 cho đến ngày xét xử nhưng trừ đi số tiền lãi đã nhận 50.400.000 đồng, yêu cầu trả 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

*Bị đơn bà Lê Thị D trình bày:* Bà thừa nhận có vay của bà L số tiền là 130.000.000 đồng vào ngày 17/01/2019, lãi thỏa thuận 20.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng, khi vay không làm giấy tờ gì, thời hạn trả khi nào bà L cần báo trước sẽ trả lại vốn.

Sau khi vay bà trả vốn cho bà L 02 lần số tiền 40.000.000 đồng cụ thể: Ngày 20/5/2020 trả 20.000.000 đồng; ngày 12/01/2022 chị Hiền (dâu bà D) trả 20.000.000 đồng cho bà L, khi trả không làm giấy tờ gì và không có ai chứng kiến. Bà trả lãi được 15 tháng x 2.600.000 đồng = 39.000.000 đồng đến ngày 17/4/2020 thì ngưng không trả lãi nữa.

Nay bà chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền 90.000.000 đồng, trả mỗi vụ lúa 3.000.000 đồng đến khi hết nợ. Không đồng ý trả 130.000.000 đồng và lãi theo yêu cầu của bà L.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị Diệu Hiền trình bày:* Chị là dâu của bà Lê Thị D, ngày 12/01/2022 bà D có đưa cho chị Hiền số tiền 20.000.000 đồng để trả cho bà L, nhưng chị không biết số tiền bà D đưa trả là tiền vốn hay tiền lãi. Nay chị không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại Bản án dân sơ thẩm số 451/2022/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang áp dụng Điều 463, 466, 468, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 227, 228, 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Hồng L.

Buộc bà Lê Thị D trả cho bà Dương Hồng L số tiền vay 125.997.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu chín trăm chín mươi bảy ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 08/9/2022, bà Lê Thị D có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, bà chỉ đồng ý trả số tiền vốn cho bà L 90.000.000 đồng và xin trả dần 3 tháng trả 20.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm: về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến khi xét xử Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng nội quy phòng xử án và thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng pháp luật; Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị D, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị D lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Hợp đồng vay tài sản” là có căn cứ và phù hợp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị Diệu H có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt đối với chị Hiền.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Dương Hồng L và bà Lê Thị D trình bày thống nhất, vào ngày 17/01/2019 bà Lê Thị D có vay của bà L số tiền là 130.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2.600.000 đồng/tháng, hai bên không làm biên nhận. Tuy nhiên theo bà L, sau khi vay bà D trả cho bà được 50.400.000 đồng tiền lãi cụ thể: bà D trực tiếp trả 20.000.000 đồng và chị H (dâu bà D) trả 20.000.000 đồng, cả hai lần trả bà không nhớ ngày tháng. Sau đó bà D trả lãi hàng tháng được 04 tháng với số tiền là 10.400.000 đồng. Bà D cho rằng số tiền bà và chị H (dâu bà) trả cho bà L 40.000.000 đồng là tiền vốn và bà trả được 15 tháng tiền lãi với số tiền là 39.000.000 đồng.

Án sơ thẩm xử buộc bà Lê Thị D trả cho bà L số tiền 125.997.000đồng, bà D không đồng ý nên có yêu cầu kháng cáo.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo và nội dung kháng cáo của bà Lê Thị D, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo lời trình bày của bà Dương Hồng L là vào ngày 17/01/2019 bà có cho bà Lê Thị D vay số tiền là 130.000.000 đồng, không làm biên nhận, lãi suất thỏa thuận là 2.600.000 đồng/tháng, lời trình bày này của bà L đã được bà D thừa nhận. Như vậy, việc bà L khởi kiện bà D là có căn cứ và phù hợp. Tuy nhiên theo bà D là bà đã trả cho bà L được 40.000.000 đồng tiền vốn và 15 tháng tiền lãi với số tiền là 39.000.000 đồng, nhưng bà L không thừa nhận, bà L cho rằng số tiền 40.000.000 đồng bà D và chị H (dâu bà D) trả cho bà là tiền lãi và theo lời trình bày của chị H là bà D có đưa cho chị 20.000.000 đồng để trả cho bà L nhưng chị không biết là tiền vốn hay tiền lãi. Bà D không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh số tiền 40.000.000 đồng bà đã trả cho bà L là tiền vốn và tiền lãi đã trả là 39.000.000 đồng, bà L thừa nhận có nhận của bà D số tiền lãi tổng cộng là 50.400.000 đồng.

Án sơ thẩm nhận định trong số tiền 130.000.000 đồng bà D đã vay của bà L, bà D thực hiện việc trả lãi cho bà L số tiền 50.400.000 đồng là có căn cứ và phù hợp.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi: nguyên đơn yêu cầu tính lãi của số tiền 130.000.000 đồng với lãi suất 20%/năm và đồng ý căn trừ lại số tiền lãi đã nhận là hoàn toàn phù hợp. Đây là trường hợp vay có thỏa thuận về lãi suất, vì vậy cần áp dụng khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong trường hợp này, nhưng án sơ thẩm lại áp dụng tính lãi suất theo khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự với mức lãi suất 0,83%/tháng là chưa phù hợp, tuy nhiên phần này các đương sự không kháng cáo vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Xét yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị D là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Lê Thị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

Căn cứ khoản 1 điều 308, khoản 2 điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị D. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 451/2022/DS-ST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Hồng L.

Buộc bà Lê Thị D có nghĩa vụ trả cho bà Dương Hồng L số tiền là 125.997.000đồng. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí: Bà Lê Thị D phải chịu 6.299.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Bà D đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010112 ngày 08/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xem như nộp xong án phí phúc thẩm. Hoàn lại cho bà Dương Hồng L 4.700.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010058 ngày 25/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Kể từ ngày bà Dương Hồng L yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Thị D chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án, lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được xác định theo điều 357 Bộ luật dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### ***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè, Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Tuyết Linh**